

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2023/DS-PT
Ngày 16-8-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
(ranh đất) và yêu cầu bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Tâm;

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 276/2023/QĐPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966, địa chỉ: số H đường L, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ liên hệ: số A, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền 29/3/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Huy C, địa chỉ: số F, đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: số B, đường H, tổ F, khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và đại diện nguyên đơn ông Đặng Hoàng N trình bày: Bà D là chủ sử dụng thửa đất số 389, tờ bản đồ số 33, tọa lạc đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB893624, số vào sổ CS 07238 ngày 21/3/2016. Giáp với hướng Tây thửa đất của bà D là thửa 388 của ông Võ Huy C (ông C nhận chuyển nhượng thửa đất trên của bà Nguyễn Thị Đ, em ruột bà D).

Cả hai thửa đất số 388, 389 trước đây thuộc thửa đất số 383 của bà Nguyễn Thị S, mẹ ruột bà D và bà Đ. Năm 2016, bà S tách thửa đất và tặng cho các con trong đó có bà D, bà Đ. Do vậy về mặt nguồn gốc đất và toàn bộ quá trình thực hiện tách thửa, cấp giấy chứng nhận, bà D là người biết rõ.

Từ khi bà D được bà S cho đất đến nay, bà D vẫn giữ nguyên hiện trạng đất. Đến tháng 4/2021, bà D đến kiểm tra hiện trạng đất thì phát hiện ông C xây dựng nhà kiên cố và lấn chiếm phần giữa thửa đất của bà D. Bà D hợp đồng cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc lại thửa đất và được biết diện tích đất bị lấn chiếm là 4m². Bà D liên hệ với ông C để trao đổi, tìm phương án giải quyết. Lúc đầu, ông C thừa nhận có lấn ranh đất và đề nghị bà D đưa ra phương án giải quyết. Tuy nhiên, khi bà D đề nghị được trả lại đất thì ông C thay đổi ý kiến và không thừa nhận hành vi lấn chiếm đất. Do vậy, ngày 28/10/2021, bà D gửi đơn tranh chấp đất đến Ủy ban nhân dân phường H đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định.

Ngày 11/11/2021, Hội đồng hòa giải Ủy ban nhân dân phường H tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 4m² và bồi thường chi phí đo đạc mà bà D đã bỏ ra 4.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đã giao nộp các giấy tờ, tài liệu sau: CCCD, sổ hộ khẩu của bà D (bản sao y bản chính); Thông báo số 502 ngày 30/10/2020 của Ủy ban nhân dân quận B về việc đổi tên đường L (bản photo); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 893624, số vào sổ CS07238 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị D ngày 21/3/2016 (bản photo); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 893623, số vào sổ CS07237 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Đ ngày 21/3/2016 (bản photo); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 989455, số vào sổ CS06610 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị S ngày 13/8/2015 (bản photo); Biên bản hòa giải ngày 11/11/2021 của Ủy

ban nhân dân phường H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà D và ông C (bản sao y bản chính); Mảnh trích đo địa chính số 31-2016 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T đối với thửa đất số 389 của bà Nguyễn Thị D (bản photo).

- Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 29/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông C không lấn chiếm đất của bà D. Căn nhà ông C xây dựng hoàn toàn trên thửa đất nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị D. Khi nhận chuyển nhượng đất của bà D, có mặt bà D, bà D cùng 02 người khác là anh em với bà D, bà D đứng ra chỉ dẫn và xác định ranh đất. Kể từ khi ông C xây dựng nhà cho đến khi bà D khởi kiện, bà D và anh chị em bà D không khiếu nại hay tranh chấp gì liên quan đến ranh đất.

Bị đơn ông Võ Huy C đã giao nộp các giấy tờ, tài liệu sau: Hợp đồng ủy quyền ngày 28/3/2022 giữa ông Võ Huy C và ông Nguyễn Hoàng M (bản chính); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 659918, sổ vào sổ CS 15512 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Võ Huy C ngày 28/6/2021 (bản photo); Giấy phép xây dựng số 1061 ngày 05/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T (kèm biên bản xác minh địa điểm xây dựng 21/3/2019 của Phòng Quản lý đô thị thành phố T; Thông báo ngày khởi công xây dựng công trình, dự án ngày 10/4/2019 của ông Võ Huy C; bản vẽ căn nhà) (tất cả bản photo); Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 720/GCN/2009 của Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 06/10/2009 cho ông Võ Huy C (bản photo); Hồ sơ xin giấy phép xây dựng + bản vẽ của ông Võ Huy C (bản photo); Biên bản xác minh địa điểm xây dựng số 1112 ngày 21/3/2019 của Phòng Quản lý đô thị thành phố T (bản photo); Giấy phép xây dựng số 1061/GPXD ngày 05/4/2019 của UBND thành phố T cấp cho ông Võ Huy C (bản photo); Thông báo ngày khởi công xây dựng công trình, dự án ngày 10/4/2019 của ông Võ Huy C (bản photo).

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà D là em ruột của bà Nguyễn Thị D. Năm 2016, bà D được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị S tặng cho đất phần đất có diện tích 109,5m², tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, sau đó được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 893623, sổ vào sổ CS07237 ngày 21/3/2016 cho bà D. Năm 2016, bà D cũng được bà S tặng cho phần đất giáp ranh với đất của bà D có diện tích 117,2m² và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB893624, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS07238 ngày 21/3/2016 cho bà D.

Do phần đất bà D được cho có chiều ngang nhỏ 4m, bà D không có nhu cầu sử dụng phần đất này nên năm 2019 bà D chuyển nhượng lại cho ông Võ Huy C (bị đơn), là chủ đất liên ranh với đất của bà D để ông C mở rộng lối đi vào xưởng nhôm kiếng của ông C. Khi chuyển nhượng đất cho ông C, bà D có chỉ ranh đất của bà D với ranh đất của bà D, lúc đó có mặt vợ chồng bà D chứng

kiến nhưng bà D nói dối bà D là cho ông C thuê đất, chứ không bán đất. Khi đó, ông C có kêu nhân viên của ông C ở xưởng nhôm kiếng ra đóng cọc làm ranh đất với bà D. Về giá đất chuyển nhượng cho ông C, bà D xin giữ bí mật vì việc mua bán đất trên tinh thần anh em hàng xóm với nhau.

Sau khi bà D chuyển nhượng cho ông C xong thì ông C không sử dụng phần đất trên làm lối đi mà xây dựng 01 căn nhà lầu kiên cố. Bà D không biết khi xây dựng nhà, ông C có lấn chiếm đất của bà D hay không, vì bà D không có chuyên môn để nhận biết được điều đó. Do bà D ở Thành phố Hồ Chí Minh nên bà D không biết ông C xây dựng nhà. Khi ông C xây dựng xong thì bà D mới biết và phát hiện ông C xây lấn đất của bà D. Còn bà D chỉ biết ông C xây dựng nhà khi nghe bà D nói lại ông C xây dựng nhà lấn một phần đất ở khúc giữa thửa đất của bà D, còn các cạnh đầu, đuôi không có lấn. Cũng sự việc này mà quan hệ chị em giữa bà D và bà D mâu thuẫn nhau cho đến nay.

Việc ông C xây dựng nhà có lấn đất của bà D hay không, không liên quan đến bà D vì bà D chuyển nhượng đất cho ông C trước khi ông C xây dựng nhà. Trường hợp Tòa án xác định ông C có lấn đất của bà D thì ông C và bà D thương lượng giải quyết với nhau. Nếu giải quyết không được thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật, bà D không yêu cầu độc lập tranh chấp gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, tuyên xử;

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn ông Võ Huy C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất).

Ông C được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 3,2 m² (trong đó có 1,9 m² đất ở đô thị và 1,3 m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vị trí đất được thể hiện trong sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

Buộc ông C có trách nhiệm bồi thường cho bà D số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba chục triệu đồng), tương đương 3,2 m² đất nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 893624, số vào sổ CS07238 ngày 21/3/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 659918, số vào sổ CS 15512 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Võ Huy C ngày 28/6/2021 theo quyết định của bản án.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ bản án của Tòa án thu hồi, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho các đương sự theo quy định pháp luật.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp bồi thường thiệt hại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) của bà **D**.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/12/2022, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản bản án sơ thẩm yêu cầu bị đơn đập nhà để trả lại diện tích 3,2m² mà bị đơn lấn chiếm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là phù hợp và có căn cứ, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới cho kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án: nguyên đơn bà **Nguyễn Thị D** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Võ Huy C** trả lại phần đất diện tích 4m² mà bị đơn ông **C** lấn chiếm tuy nhiên trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà **D** chỉ yêu cầu bị đơn ông **C** trả lại phần đất diện tích 3,2m².

Xét thấy: nguyên đơn bà **Nguyễn Thị D** là chủ sử dụng thửa đất số 389, tờ bản đồ số 33, tọa lạc đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB893624, số vào sổ CS 07238 ngày 21/3/2016. Bà **D** cho rằng ông **C** là chủ sử dụng thửa đất số 388 liền kề với thửa đất số 389 có lấn chiếm đất của bà **D** nên nộp đơn hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân phường H và đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là phù hợp Điều 202, 203 của Luật Đất đai.

Căn cứ Mệnh trích đo địa chính ngày 18/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố T đo đạc, xác định: Vị trí đất tranh chấp thuộc hướng Tây thửa đất của bà **D** và hướng Đông thửa đất của ông **C**; diện tích đất tranh chấp là 3,2m² (trong đó có 1,9m² đất ở đô thị và 1,3m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được các đương sự thống nhất, đồng ý trước khi phát hành bản vẽ. Do đó, tài liệu trên được xem là chứng cứ quy định tại Điều 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kết quả đo đạc theo sự chỉ ranh của bà **D** thì diện tích đất của bà **D** là $114,1\text{m}^2$, nếu cộng thêm phần diện tích $3,2\text{m}^2$ đất tranh chấp thì tổng diện tích là $117,3\text{m}^2$, so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **D** chênh lệch tăng $0,1\text{m}^2$.

Kết quả đo đạc theo chỉ ranh của ông **C** thì diện tích đất của ông **C** là 108m^2 nếu cộng thêm phần diện tích $3,2\text{m}^2$ đất tranh chấp thì tổng diện tích là 112m^2 , so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **C**, chênh lệch tăng $2,5\text{m}^2$.

Như vậy, căn cứ theo sự chỉ ranh của các đương sự thì ranh đất do bà **D** chỉ tương đối chính xác hơn ông **C**, ranh giới giữa đất bà **D** và ông **C** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 01 đường thẳng có chiều dài $28,15\text{m}$. Bà **D** hướng dẫn đo là 01 đường thẳng có chiều dài $28,09\text{m}$ (ngắn hơn $0,6\text{m}$); ông **C** hướng dẫn đo theo vách tường nhà ông **C** không phải 01 đường thẳng, có các cạnh cộng lại là: $4,0\text{m} + 3,69\text{m} + 6,16\text{m} + 14,32\text{m} = 28,17\text{m}$ (dài hơn $0,02\text{m}$).

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T cung cấp thông tin diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất của bà **D** hay ông **C**. Tại Công văn số 2420/CNTDM ngày 21/11/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T xác định: “...Theo cạnh ranh giữa hai thửa đất, phần đất tranh chấp $3,2\text{m}^2$ thuộc thửa 389 được cấp giấy chứng nhận cho bà **Nguyễn Thị D**. Trong phần diện tích đất $3,2\text{m}^2$ đất tranh chấp có $2,9\text{m}^2$ xây dựng nhà kiên cố (nhà 02 tầng). Qua đối chiếu giấy chứng nhận của bà **D**, phần diện tích đất tranh chấp nằm trên phần định vị thổ cư theo giấy chứng nhận là $1,9\text{m}^2$ đất ở đô thị, phần còn lại là $1,3\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm...”.

Như vậy, có căn cứ xác định ông **C** đã lấn $3,2\text{m}^2$ đất của bà **D**, vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013, theo quy định pháp luật cần buộc ông **C** trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho bà **D**. Tuy nhiên, xét thấy diện tích đất ông **C** lấn chiếm quá nhỏ mà diện tích nằm trải dọc theo chiều dài thửa đất, không ảnh hưởng tính thẩm mỹ của thửa đất như lời trình bày của bà **D**, hiện trạng đất ông **C** đã xây dựng căn nhà lầu 02 tầng kiên cố nếu buộc ông **C** đập bỏ một phần căn nhà lầu 02 tầng để trả diện tích $3,2\text{m}^2$ đất cho bà **D** thì sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu căn nhà, gây thiệt hại về tài sản rất lớn cho gia đình ông **C**. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông **C** trả giá trị đất cho bà **D** là đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự mà hoàn toàn phù hợp thực tế.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 4.000.000 đồng bà **D** đã bỏ ra để hợp đồng với cơ quan chuyên môn đo đạc diện tích đất của bà **D**. Việc bà **D** hợp đồng với cơ quan đo đạc là do bà **D** tự thực hiện, bà **D** không cung cấp được chứng cứ chứng minh và không chứng minh đã chi trả số tiền 4.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 584 Bộ luật Dân sự không chấp nhận yêu cầu của bà **D**, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ nên kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị D** phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị D**.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị D** phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0002347 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp